

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST

Ngày: 15-9- 2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Công Rô và bà Trần Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960

Nơi ĐKHKTT: Ấp Kinh n, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B là: Ông Lý Hoàng T1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số x, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1988 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Vào ngày 14/10/2020 vì cần tiền làm vốn kinh doanh nên vợ chồng ông Trần Văn T (gọi tắt là ông T) và bà Lê Thị Thu H (gọi tắt là bà H) có hỏi mượn của bà Nguyễn Thị B (gọi tắt là bà B) 20.000.000 đồng, khi nhận tiền vợ chồng ông T và bà H có viết giấy biên nhận nợ với bà và cam kết trả nợ trong thời gian 01 tháng.

Đến ngày 21/9 âm lịch /2020 (tức ngày 06/11/2020 dương lịch) vợ chồng ông T và bà H tiếp tục hỏi mượn 40.000.000 đồng để làm ăn và có viết biên nhận nợ hứa khi bà B cần tiền thì sẽ trả hết số tiền mượn trong hai lần. Cũng trong ngày 21/9 âm lịch /2020 vợ chồng ông T và bà H nói cần tiền đáo hạn nợ ngân hàng nên hỏi mượn thêm 60.000.000 đồng, ở lần mượn tiền này vợ chồng ông T và bà H viết biên nhận tay và còn thế chấp hai giấy sang bán đất viết tay của ông Huỳnh Văn T2 và ông Huỳnh Văn H1 để làm tin đảm bảo số tiền vay.

Khi bà B có nhu cầu sử dụng số tiền và đòi nợ thì vợ chồng ông T bà H không trả mà lánh mặt.

Nay bà B yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả nợ số tiền là 120.000.000 đồng không yêu cầu phải trả tiền lãi, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bà B rút ủy quyền đối với ông Lý Hoàng T1.

**Ông Trần Văn T và bà Lê Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của bà B.**

### **Kết quả thu thập chứng cứ:**

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 03 (Ba) biên nhận nợ, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

**Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:**

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Bà B xác định ông T và bà H còn nợ số tiền 120.000.000 đồng.

**Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt, đối với người đại diện theo ủy quyền ông Lý Hoàng T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà H trả cho bà B số tiền 120.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông T và bà H. Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lý Hoàng T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại phiên tòa bà B đã xin rút ủy quyền đối với ông Lý Hoàng T1 do đó căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đối với ông Lý Hoàng T1.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của bà B, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả số nợ 120.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T và bà H không có ý kiến

phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện bà B cung cấp chứng cứ là ba biên nhận nợ thể hiện vào ngày 14 tháng 10 năm 2020 ông Tý bà H có mượn của bà B số tiền 20.000.000 đồng, vào ngày 06 tháng 11 năm 2021 ông T và bà H có vay tiền của bà B hai lần tổng cộng 100.000.000 đồng. Như vậy, sau ba lần mượn tiền (mượn tiền là từ địa phương có nghĩa là cho vay tiền không có lãi) thì vợ chồng ông T và bà H đã vay của bà B 120.000.000 đồng. Trong các giấy biên nhận nợ có thể hiện các bên có thỏa thuận khi nào bà B yêu cầu trả tiền thì báo trước cho ông T và bà H hai tháng. Tuy nhiên sau nhiều lần bà B yêu cầu trả nợ thì ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Việc ông T bà H không thực hiện trả nợ như thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà B khởi kiện yêu cầu ông T bà H trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự buộc ông T và bà H trả cho bà B 120.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Bé không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông T và bà H liên đới phải nộp án phí là:  $120.000.000 \times 5\% = 6.000.000$  đồng.

Bà Nguyễn Thị B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng.

[5] Về chi phí đăng báo đài: Bà Nguyễn Thị B tự chịu toàn bộ tiền đăng báo đài là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Trần Văn T và bà Lê Thị Thu H hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Nguyễn Thị B không có yêu cầu nên không xem xét.

**2.** Về án phí vụ kiện: Ông Trần Văn T và bà Lê Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004609 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

**3.** Về chi phí đăng báo đài: Bà Nguyễn Thị B tự chịu toàn bộ tiền đăng báo đài là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp xong.

**4.** Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/9/2022, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

(Đã ký)

**Đinh Thị Thơm**